

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-ST

Ngày 18/9/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quý; bà Trần Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31/8/2023 và ngày 18/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2022/TLST-DS ngày 07/11/2022 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-DS ngày 14/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-DS ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng.

Địa chỉ trụ sở: Số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh Nam Định (Theo Quyết định ủy quyền số 6550/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hòa Quang T - Chức vụ: Chuyên

viên Xử lý nợ Ngân hàng (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2022).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966.

2. Anh Vũ Đức B, sinh năm 2001.

Cùng đăng ký thường trú: Số 108 đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Cùng cư trú: Số 6/7/136 đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Phiên tòa có mặt ông T; bà M và anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Hòa Quang T trình bày: Ngân hàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/4/2021. Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Doãn S - Tổng Giám đốc Ngân hàng. Ngân hàng Chi nhánh Nam Định trực thuộc Ngân hàng. Bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng Chi nhánh Nam Định và Ngân hàng Chi nhánh Nam Định đã giải ngân cho bà M, anh B nhận nợ, trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 31/8/2021 Ngân hàng Chi nhánh Nam Định và bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B ký kết hợp đồng tín dụng số: HĐTD340202100589 cho bà M, anh B vay tổng số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm lăm mươi triệu đồng), Ngân hàng đã giải ngân theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 01/9/2021; thời gian vay 60 tháng (Từ ngày 31/08/2021 đến ngày 31/08/2024); mục đích sử dụng vốn mua sắm trang thiết bị gia đình; lãi suất cố định ba tháng đầu là 9,95%, lãi suất nợ gốc quá hạn 150%, lãi suất nợ lãi chậm trả theo quy định của Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B đã trả gốc: 37.800.078 đồng; nợ gốc quá hạn: 62.999.865 đồng; nợ gốc trong hạn: 212.199.922 đồng; nợ lãi quá hạn: 30.181.453 đồng; nợ lãi phạt lãi: 1.949.968 đồng; nợ lãi phạt gốc: 8.940.924. Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2023 của bà M, anh B đối với Ngân hàng: 253.272.266 đồng.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CY 858050 do Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Nam Định cấp ngày 30/07/2022 đứng tên anh Vũ Đức B theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số HĐTC340202100589 ngày 31/8/2021 đã được hai bên ký kết, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật và hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trịnh Thị Hồng, địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà CL 16, khu đô thị Dệt May Nam Định, đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ tháng 06/2022. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây với bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B:

- Buộc bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2023 là 253.272.266 đồng.

- Trong thời gian chưa thanh toán nợ bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay.

- Ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng số HĐTD340202100589 ngày 31/08/2021 thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tất cả các tài sản và các khoản thu nhập hiện hữu của bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B để thu hồi nợ vay.

- Sau khi xử lý các tài sản, các khoản thu nhập mà vẫn không trả hết nợ bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

2. Trong đơn đề nghị ngày 15/11/2022, bản tự khai ngày 25/11/2022 bị đơn - bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và con trai là anh Vũ Đức B có ký hợp đồng tín dụng số: HĐTD340202100589 ngày 31/08/2021 với Ngân hàng Chi nhánh Nam Định để vay tiền và được Ngân hàng giải ngân số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 01/9/2021; mục đích vay mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân; lãi suất vay 9,95%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%. Quá trình thực hiện hợp đồng, hàng tháng bà vẫn trả gốc, lãi và đã trả được 37.800.000 đồng. Từ tháng 6/2022 do bệnh dịch CoVit19 nên bà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY858050 thuộc quyền sở hữu của anh Vũ Đức B theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:

HĐTC340202100589 đã được hai bên ký kết, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật và hợp đồng thế chấp đã được công chứng vào ngày 31/8/2021 tại Văn phòng công chứng Trịnh Thị Hồng; địa chỉ Tầng 1 tòa nhà CL 16 Khu đô thị Dệt May N, đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Quan điểm của bà M đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Do bệnh dịch CoVit19 và tình hình kinh tế khó khăn nên bà có chậm thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng. Tuy nhiên, bà M mong muốn phía Ngân hàng tạo điều kiện để tiếp tục được thực hiện hợp đồng tín dụng và bà M cam kết trả đầy đủ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn từ tháng 6/2022 đến nay.

Bị đơn - anh Vũ Đức B đã được Tòa án triệu tập; niêm yết các tài liệu, chứng cứ, các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do.

4. Ngày 24/4/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố N tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà M, anh B. Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và không có ý kiến gì. Bị đơn - bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B đều vắng mặt không có lý do. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác nhận thông tin về thửa đất trên thực địa phù hợp với thông tin trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY858050. Thửa đất có phía B giáp đường, phía đông giáp thửa 166, phía nam giáp thửa 168, phía tây giáp thửa 245. Không có công trình xây dựng nào trên đất, thửa đất không có tường bao xung quanh.

5. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ và quyền hạn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- Buộc bà M, anh B phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Trong trường hợp bà M, anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Buộc bà M, anh B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Theo đơn khởi kiện được thụ lý ngày 17/10/2023, nguyên đơn - Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp với bà Nguyễn Thị M, anh Vũ Đức B. Bà M, anh B vay tiền của Ngân hàng với mục đích mua sắm trang thiết bị gia đình, không nhằm mục đích lợi nhuận. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn - bà M, anh B (Anh B không đến Tòa án làm việc) và không có yêu cầu phản tố. Do vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng tín dụng”.

1.2. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng thì bà M, anh B đều có địa chỉ cùng đăng ký thường trú: Số 108 đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định và cùng cư trú: Số 6/7/136 đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định. Căn cứ điểm 12.4 Điều 12 của hợp đồng tín dụng số: HĐTD340202100589 ngày 31/8/2021; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Người tham gia tố tụng:

Quá trình tố tụng trong vụ án, nguyên đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và có mặt để làm việc. Bị đơn - bà M đã đến Tòa án tự khai, tuy nhiên trong giai đoạn tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ; công khai chứng cứ

và hòa giải và phiên tòa bà M đều vắng mặt không có lý do; đồng bị đơn - anh Vũ Đức B đã được Tòa án triệu tập; niêm yết các tài liệu, chứng cứ, các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay bà M, anh B vẫn vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt không có lý do và Hội đồng xét xử sẽ tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà M, anh B:

2.1. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà M, anh B:

Căn cứ vào mục đích mua sắm tiêu dùng của bà M, anh B, Ngân hàng và bà M, anh B đã ký kết hợp đồng tín dụng số: HĐTD340202100589 ngày 31/8/202021 và đã được Ngân hàng giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 340202100589/001 ngày 01/9/2021. Bản hợp đồng tín dụng, giấy giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đều được bà M, anh B và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng ký kết, đóng dấu có hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 385, Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định hợp đồng tín dụng số: HĐTD340202100589 ngày 31/8/202021, giấy giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 340202100589/001 ngày 01/9/2021 hai bên đã ký kết là hợp pháp.

2.2. Việc thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà M, anh B:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: HĐTD340202100589 ngày 31/8/202021, giấy giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 340202100589/001 ngày 01/9/2021 Ngân hàng Chi nhánh Nam Định đã giải ngân cho bà M, anh B vay số tiền 250.000.000 đồng. Tính đến tháng 5/2022 bà M, anh B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là 37.800.078 đồng gốc, lãi cho Ngân hàng. Như vậy bà M, anh B còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 18/9/2023) tổng số tiền gốc, lãi là 253.272.266 đồng.

[3] Yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng đối với bà M, anh B:

Mặc dù bà M cho rằng do bệnh dịch CoVit19 và tình hình kinh tế khó khăn nên bà có chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 6/2022 nhưng khi Ngân hàng đã có thư mời, gửi thông báo nợ quá hạn và gửi các thông báo thu hồi nợ trước hạn thì bà M, anh B cũng không có biện pháp để thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng là vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận về thanh toán nợ gốc và toàn bộ số lãi trong hạn, quá hạn đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã

chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng và có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ buộc bà M, anh B phải thanh toán số tiền gốc, lãi còn lại cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 18/9/2023). Cụ thể là:

Nợ gốc: 212.199.922 đồng; nợ lãi quá hạn: 30.181.453 đồng; nợ lãi phạt lãi: 1.949.968 đồng; nợ lãi phạt gốc: 8.940.924 đồng. Tổng cộng là 253.272.266 đồng.

[4] Về hợp đồng bảo đảm:

4.1. Về việc ký kết hợp đồng bảo đảm:

Để bảo đảm cho khoản vay, anh B đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là thửa đất số 244, tờ bản đồ số 31; địa chỉ thôn H 1, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY858050 để thế chấp cho khoản vay của bà M, anh B đồng thời giữa bà M, anh B và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng thế chấp số: HĐTC340202100589 ngày 31/8/2021. Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản thế chấp đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Anh B, bà M và đại diện hợp pháp của Ngân hàng đã ký kết hợp đồng và hợp đồng đã được công chứng vào ngày 31/8/2021 tại Văn phòng công chứng Trịnh Thị Hồng; địa chỉ Tầng 1 tòa nhà CL 16 Khu đô thị Dệt May N, đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định nên bản hợp đồng thế chấp được hai bên ký kết là hợp pháp.

4.2. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng:

Căn cứ thỏa thuận về xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thế chấp số: HĐTC340202100589 ngày 31/8/2021; căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2023 tại mục 3 phần nội dung vụ án; căn cứ vào nhận định về nghĩa vụ trả nợ của bà M, anh B tại mục 3 phần nhận định của Tòa án; căn cứ Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng. Cụ thể: Trong trường hợp bà M, anh B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: HĐTC340202100589 ngày 31/8/2021 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp chưa đủ để thanh toán

cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì bà M, anh B có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

[5] Nghĩa vụ của bà M và anh B trong trường hợp chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, hàng tháng bà M và anh B còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi phạt đối với số tiền nợ lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được Quyết định cụ thể như sau:

Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng đã nộp khi khởi kiện sẽ được trả lại toàn bộ.

Bà M, anh B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng là 253.272.266 đồng. Cụ thể là $253.272.266 \text{ đồng} \times 5\% = 12.663.613 \text{ đồng}$ (Đã làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 282, Điều 292, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 325, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 402, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Đức B phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 18-9-2023). Cụ thể như sau:

Nợ gốc là: 212.199.922 đồng; nợ lãi quá hạn là: 30.181.453 đồng; nợ lãi phạt lãi là: 1.949.968 đồng; nợ lãi phạt gốc: 8.940.924 đồng. Tổng cộng, bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Đức B phải trả cho Ngân hàng số tiền là 253.272.266 đồng (Hai trăm lăm mươi ba triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Đức B còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi phạt của số tiền lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

3. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Đức B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo HĐTC340202100589 ngày 31/8/2021 (Thông tin về thửa đất: Thửa đất số 244, tờ bản đồ số 31; diện tích 316 m², trong đó đất ở tại nông thôn 115 m², đất trồng cây lâu năm 201 m²; địa chỉ thôn H 1, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY858050 thuộc quyền sở hữu của anh Vũ Đức B) để thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm chưa đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Đức B có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 5.500.000 đồng (Năm triệu lăm trăm ngàn đồng) đã nộp tại Biên lai số 0005630 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Đức B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 12.663.613 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm mười ba đồng) (Đã làm tròn).

5. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị M và anh Vũ Đức B có quyền làm đơn kháng cáo Bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

